

Bản số: 28/2018/HNGS-ST
Ngày 25-7-2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân
và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Mỹ

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLST- HNGĐ ngày 30/5/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1952 (có mặt)

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Điều cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/5/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C kết hôn năm 1972, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng bà có được UBND xã cấp cho giấy đăng ký kết hôn nhưng do bà đã làm mất, bà đã có giấy xác nhận xin cấp lại nhưng do đã lâu nên UBND xã N không còn lưu trữ, nên bà không có giấy chứng nhận kết hôn để nộp cho Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng bà về chung sống với nhau ngay, thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường xuyên đánh bà. Năm 2018 đánh bà nhiều quá bà phải nhờ trưởng thôn, chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được. Ông C đánh bà nhiều quá khiến bà sợ phải đi ở nhờ từ tháng 3/2018 và vợ chồng bà đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Hiện nay các cháu đều trưởng thành, tự lập, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Huyền vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện là xin được ly hôn với ông C. Về Con chung; Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn năm 1972, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng ông có được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng do thời gian lâu ông đã làm thất lạc, nay ông không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn để nộp cho Tòa án. Sau khi kết hôn, ông và bà H về chung sống với nhau ngay, vợ chồng ông chung sống bình thường đến khoảng năm 1997 thì bà Huyền bỏ đi nơi khác sinh sống, làm ăn. Ông không quan tâm là bà H đi đâu làm gì, cũng không hỏi và không đi tìm. Ông ở cùng con trai thứ hai từ đó. Khoảng năm 2017 bà H về quê nhưng cũng không ở cùng ông mà ở cùng con trai cả. Ông xác định ông và bà H ly thân nhau từ năm 1997 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nguyên nhân vợ chồng ly thân do bất đồng trong chuyện làm ăn và quan hệ gia đình. Nay ông cũng không muốn về đoàn tụ với bà H, ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, bà H có đơn xin ly hôn thì ông nhất trí.

Về con chung: Ông C xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà H, bị đơn ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông C.

Về con chung; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H, ông C không yêu cầu giải quyết. Nên không xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Ngô Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa bà H và ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

*Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn C xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Bà H, ông C đều khai có đăng ký kết hôn năm 1972 tại UBND xã N, huyện T. Tuy ông, bà đều không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án nhưng tại biên bản làm việc với UBND xã N đề nghị cung cấp việc đăng ký kết hôn của bà H và ông C thì UBND xã xác nhận là bà H, ông C chung sống với nhau tại Thôn Thị từ những năm 1970-1972, UBND xã cũng chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ những năm 1990 trở lại đây. Tại điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn quy định trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý, giải quyết. Như vậy nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 thì vẫn được coi là vợ chồng, hôn nhân thực tế. Trong vụ án này bà H và ông C đều khai kết hôn năm 1972 tại UBND xã Ngọc Vân nhưng do mất và thất lạc giấy đăng ký kết hôn, bà H và ông C chung sống với nhau từ những năm 1972 cho dù nếu không có đăng ký kết hôn thì vẫn là vợ chồng và là hôn nhân thực tế.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Huyền thì Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông C sau khi về chung sống với nhau thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, hai bên có xảy ra xô xát, đánh nhau do không

hợp nhau. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện giữa bà H và ông C trong quá trình chung sống có xảy ra xô sát, đánh nhau, đã được chính quyền can thiệp. Mặt khác, bà H và ông C đã ly thân nhau nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau, ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H có đơn xin ly hôn thì ông C nhất trí. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà H và ông C đều xác định có 03 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, tự lập. Ly hôn, bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H và ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H được miễn án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 147 của BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 5 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành và đã tự lập, bà H, ông C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà H và ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Bà Ngô Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân